

Số: 5964/QĐ-UBND

Củ Chi, ngày 29 tháng 10 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2020 do cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí tổ chức hội nghị, đi công tác, tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại của năm 2020 theo hướng dẫn của Sở Tài chính đối với các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 5225/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 196/NQ-HĐND ngày 17 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân huyện Khố X, tại kỳ họp thứ 11 về dự toán và phân bổ ngân sách địa phương năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công và bảo đảm trật tự an toàn xã hội trong bối cảnh của đại dịch Covid-19;

Căn cứ Công văn số 8299/BTC-NSNN ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc đẩy mạnh thực hiện các giải pháp điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính – ngân sách địa phương những tháng cuối năm 2020;

Căn cứ Công văn số 5822/STC-NS ngày 11 tháng 9 năm 2020 của Sở Tài chính về việc đẩy mạnh thực hiện các giải pháp điều hành thực hiện nhiệm vụ tài chính – ngân sách những tháng cuối năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 11548/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân huyện Củ Chi về giao dự toán thu chi ngân sách nhà nước năm 2020 đối với các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện;

Căn cứ Công văn số 8401/UBND-TCKH ngày 03 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện về dự toán kinh phí cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí tổ chức hội nghị, đi công tác, tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại của năm 2020 theo hướng dẫn của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2020 do cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí tổ chức hội nghị, đi công tác, tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại của năm 2020 theo hướng dẫn của Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chấp thuận điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2020 do cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí tổ chức hội nghị, đi công tác, tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên còn lại của năm 2020 theo hướng dẫn của Sở Tài chính đối với các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện và thu hồi về ngân sách huyện với số tiền 8.132 triệu đồng (Tám tỷ, một trăm ba mươi hai triệu đồng chẵn), theo Phụ lục đính kèm.

Điều 2. Thủ Trưởng các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân huyện trong việc đảm bảo thực hiện điều chỉnh giảm đúng dự toán chi ngân sách nhà nước được giao.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch huyện, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Củ Chi, Thủ trưởng các đơn vị dự toán sử dụng ngân sách huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- TT.HĐND huyện;
- TT.UBND huyện;
- Lưu: VT, P.TCKH.02.TTKNgọc.125

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hữu Hoài Phú

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC

ĐIỀU CHỈNH GIẢM DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2020 DO THỰC HIỆN CẮT GIẢM TỐI THIỂU 70% KINH PHÍ TỔ CHỨC HỘI NGHỊ, ĐI CÔNG TÁC, TIẾT KIỆM THÊM 10% CHI THƯỜNG XUYÊN CÒN LẠI CỦA NĂM 2020

(Đính kèm Quyết định số **5964** /QĐ-UBND ngày **29** tháng **10** năm 2020 của Ủy ban nhân dân huyện Cử Chi)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng dự toán điều chỉnh giảm			Tổng kinh phí tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên			Dự toán kinh phí cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí tổ chức hội nghị, đi công tác			Ghi chú
		Tổng cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	Cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	Cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	
1	2	3=6+9	4=7+10	5=8+11	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11	12
	TỔNG CỘNG	8.132	4.921	3.211	6.682	4.668	2.014	1.450	253	1.197	
I	SN Giáo dục - Đào tạo	4.564	4.365	199	4.458	4.260	199	106	106	-	
a	Giáo dục	4.279	4.279	-	4.178	4.178	-	102	102	-	
	- Khối mầm non (chi tiết từng đơn vị)	1.177	1.177	-	1.160	1.160	-	17	17	-	-
1	Mầm non Tân Phú Trung 1	63	63	-	63	63	-	-	-	-	

STT	Tên đơn vị	Tổng dự toán điều chỉnh giảm			Tổng kinh phí tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên			Dự toán kinh phí cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí tổ chức hội nghị, đi công tác			Ghi chú
		Tổng cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	Cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	Cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	
1	2	3=6+9	4=7+10	5=8+11	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11	12
2	Mầm non Tân Phú Trung 2	29	29	-	29	29	-	-	-	-	
3	Mầm non Tân Thông Hội 1	22	22	-	22	22	-	-	-	-	
4	Mầm non Tân Thông Hội 2	59	59	-	59	59	-	-	-	-	
5	Mầm non Tân Thông Hội 3	26	26	-	26	26	-	-	-	-	
6	Mầm non Tân Thông Hội 4	12	12	-	12	12	-	-	-	-	
7	Mầm non Thị Trấn Củ Chi 1	14	14	-	14	14	-	-	-	-	
8	Mầm non Thị Trấn Củ Chi 2	70	70	-	70	70	-	-	-	-	
9	Mầm non Thị Trấn Củ Chi 3	38	38	-	37	37	-	1	1	-	
10	Mầm non Thái Mỹ	47	47	-	47	47	-	-	-	-	
11	Mầm non Trung Lập Hạ	35	35	-	35	35	-	-	-	-	
12	Mầm non Trung Lập Thượng	21	21	-	21	21	-	-	-	-	
13	Mầm non Nhuận Đức	28	28	-	28	28	-	-	-	-	
14	Mầm non An Nhơn Tây	58	58	-	54	54	-	4	4	-	
15	Mầm non Phạm Văn Cội 1	41	41	-	41	41	-	-	-	-	
16	Mầm non Phạm Văn Cội 2	22	22	-	22	22	-	-	-	-	
17	Mầm non Phú Hòa Đông	79	79	-	79	79	-	-	-	-	
18	Mầm non Phước Vĩnh An	37	37	-	37	37	-	-	-	-	

STT	Tên đơn vị	Tổng dự toán điều chỉnh giảm			Tổng kinh phí tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên			Dự toán kinh phí cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí tổ chức hội nghị, đi công tác			Ghi chú
		Tổng cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	Cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	Cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	
1	2	3=6+9	4=7+10	5=8+11	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11	12
19	Mầm non Tân Thạnh Đông	67	67	-	67	67	-	-	-	-	
20	Mầm non Trung An 1	21	21	-	21	21	-	-	-	-	
21	Mầm non Trung An 2	55	55	-	54	54	-	1	1	-	
22	Mầm non Hòa Phú	28	28	-	28	28	-	-	-	-	
23	Mầm non Bình Mỹ	30	30	-	30	30	-	-	-	-	
24	Mầm non Phước Thạnh	51	51	-	51	51	-	-	-	-	
25	Mầm non Tân An Hội 1	30	30	-	28	28	-	3	3	-	
26	Mầm non Tân An Hội 2	23	23	-	23	23	-	-	-	-	
27	Mầm non An Phú	42	42	-	37	37	-	5	5	-	
28	Mầm non Hoàng Minh Đạo	33	33	-	30	30	-	3	3	-	
29	Mầm non Phước Hiệp	26	26	-	26	26	-	-	-	-	
30	Mầm Non Tân Thạnh Tây	32	32	-	32	32	-	-	-	-	
31	Mầm Non Tây Bắc	20	20	-	20	20	-	-	-	-	
32	Mầm Non Nguyễn Thị Dậu	15	15	-	15	15	-	-	-	-	
	- Khối tiểu học (chi tiết từng đơn vị)	1.913	1.913	-	1.863	1.863	-	50	50	-	
1	Trường TH Tân Thông Hội	26	26	-	26	26	-	-	-	-	
2	Trường TH Thị Trấn Củ Chi	92	92	-	92	92	-	-	-	-	

STT	Tên đơn vị	Tổng dự toán điều chỉnh giảm			Tổng kinh phí tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên			Dự toán kinh phí cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí tổ chức hội nghị, đi công tác			Ghi chú
		Tổng cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	Cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	Cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	
1	2	3=6+9	4=7+10	5=8+11	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11	12
3	Trường TH Thị Trấn 2	14	14	-	13	13	-	-	-	-	
4	Trường TH Hòa Phú	81	81	-	81	81	-	-	-	-	
5	Trường TH Tân Tiến	72	72	-	72	72	-	-	-	-	
6	Trường TH An Phú 1	18	18	-	18	18	-	-	-	-	
7	Trường TH Tân Thông	95	95	-	95	95	-	-	-	-	
8	Trường TH Liên Minh Công Nông	28	28	-	28	28	-	-	-	-	
9	Trường TH Nguyễn Văn Lịch	47	47	-	47	47	-	-	-	-	
10	Trường TH Phước Vĩnh An	45	45	-	44	44	-	1	1	-	
11	Trường TH Tân Phú	69	69	-	69	69	-	-	-	-	
12	Trường TH Tân Phú Trung	106	106	-	102	102	-	4	4	-	
13	Trường TH Lê Thị Pha	23	23	-	23	23	-	-	-	-	
14	Trường TH Tân Thành	69	69	-	69	69	-	-	-	-	
15	Trường TH Trần Văn Châm	39	39	-	39	39	-	-	-	-	
16	Trường TH Tân Thạnh Tây	47	47	-	47	47	-	-	-	-	
17	Trường TH Tân Thạnh Đông 1	56	56	-	56	56	-	-	-	-	
18	Trường TH Tân Thạnh Đông 2	92	92	-	92	92	-	-	-	-	
19	Trường TH Tân Thạnh Đông 3	39	39	-	39	39	-	-	-	-	

STT	Tên đơn vị	Tổng dự toán điều chỉnh giảm			Tổng kinh phí tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên			Dự toán kinh phí cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí tổ chức hội nghị, đi công tác			Ghi chú
		Tổng cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	Cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	Cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	
1	2	3=6+9	4=7+10	5=8+11	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11	12
20	Trường TH Phú Hòa Đông	66	66	-	66	66	-	-	-	-	
21	Trường TH Phú Hòa Đông 2	50	50	-	50	50	-	-	-	-	
22	Trường TH Trung Lập Hạ	34	34	-	34	34	-	-	-	-	
23	Trường TH An Nhơn Đông	46	46	-	46	46	-	-	-	-	
24	Trường TH Lê Văn Thế	36	36	-	36	36	-	-	-	-	
25	Trường TH Phạm Văn Cội	40	40	-	40	40	-	-	-	-	
26	Trường TH Trung Lập Thượng	19	19	-	19	19	-	-	-	-	
27	Trường TH Nhuận Đức	3	3	-	3	3	-	-	-	-	
28	Trường TH Nhuận Đức 2	13	13	-	12	12	-	1	1	-	
29	Trường TH An Nhơn Tây	41	41	-	41	41	-	-	-	-	
30	Trường TH Phú Mỹ Hưng	29	29	-	29	29	-	-	-	-	
31	Trường TH An Phú 2	19	19	-	19	19	-	-	-	-	
32	Trường TH An Phước	12	12	-	12	12	-	-	-	-	
33	Trường TH Thái Mỹ	62	62	-	62	62	-	-	-	-	
34	Trường TH Phước Hiệp	36	36	-	36	36	-	-	-	-	
35	Trường TH Nguyễn Thị Lăng	92	92	-	48	48	-	44	44	-	
36	Trường TH Bình Mỹ 1	44	44	-	44	44	-	-	-	-	

STT	Tên đơn vị	Tổng dự toán điều chỉnh giảm			Tổng kinh phí tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên			Dự toán kinh phí cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí tổ chức hội nghị, đi công tác			Ghi chú
		Tổng cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	Cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	Cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	
1	2	3=6+9	4=7+10	5=8+11	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11	12
37	Trường TH Bình Mỹ 2	73	73	-	73	73	-	-	-	-	
38	Trường TH Phước Thạnh	53	53	-	53	53	-	-	-	-	
39	Trường TH Trung An	84	84	-	84	84	-	-	-	-	
	- Khối THCS (chi tiết từng đơn vị)	1.127	1.127	-	1.106	1.106	-	21	21	-	
1	THCS Tân Phú Trung	101	101	-	101	101	-	-	-	-	
2	THCS Thị Trấn Củ Chi	1	1	-	1	1	-	-	-	-	
3	THCS Tân An Hội	35	35	-	35	35	-	-	-	-	
4	THCS Tân Thạnh Tây	38	38	-	38	38	-	-	-	-	
5	THCS Trung An	15	15	-	15	15	-	-	-	-	
6	THCS Phước Thạnh	31	31	-	30	30	-	1	1	-	
7	THCS An Phú	12	12	-	12	12	-	-	-	-	
8	THCS Phước Vĩnh An	44	44	-	44	44	-	-	-	-	
9	THCS Tân Tiến	54	54	-	54	54	-	-	-	-	
10	THCS Thị Trấn 2	104	104	-	104	104	-	-	-	-	
11	THCS Phạm Văn Cội	1	1	-	1	1	-	-	-	-	
12	THCS Nguyễn Văn Xơ	17	17	-	17	17	-	-	-	-	
13	THCS Phú Hòa Đông	121	121	-	117	117	-	5	5	-	

STT	Tên đơn vị	Tổng dự toán điều chỉnh giảm			Tổng kinh phí tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên			Dự toán kinh phí cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí tổ chức hội nghị, đi công tác			Ghi chú
		Tổng cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	Cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	Cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	
1	2	3=6+9	4=7+10	5=8+11	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11	12
14	THCS Tân Thông Hội	89	89	-	86	86	-	3	3	-	
15	THCS Nhuận Đức	18	18	-	18	18	-	-	-	-	
16	THCS An Nhơn Tây	57	57	-	57	57	-	-	-	-	
17	THCS Hòa Phú	60	60	-	49	49	-	11	11	-	
18	THCS Tân Thạnh Đông	107	107	-	107	107	-	-	-	-	
19	THCS Trung Lập	55	55	-	55	55	-	-	-	-	
20	THCS Bình Hòa	72	72	-	72	72	-	-	-	-	
21	THCS Phước Hiệp	21	21	-	21	21	-	1	1	-	
22	THCS Trung Lập Hạ	14	14	-	14	14	-	-	-	-	
23	THCS Phú Mỹ Hưng	14	14	-	14	14	-	-	-	-	
24	TH - THCS Tân Trung	45	45	-	45	45	-	-	-	-	
	- Khuyết tật; GD phổ thông khác	63	63	-	49	49	-	14	14	-	
1	Trường BDGD	47	47	-	33	33	-	14	14	-	
2	Trường NDTEKT	16	16	-	16	16	-	-	-	-	
b	Đào tạo	284	86	199	280	82	199	4	4	-	
	- Trung tâm Bồi dưỡng chính trị	214	16	199	214	16	199	-	-	-	

STT	Tên đơn vị	Tổng dự toán điều chỉnh giảm			Tổng kinh phí tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên			Dự toán kinh phí cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí tổ chức hội nghị, đi công tác			Ghi chú
		Tổng cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	Cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	Cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	
1	2	3=6+9	4=7+10	5=8+11	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11	12
	- Trường Cao đẳng nghề/Trung cấp nghề	39	39	-	35	35	-	4	4	-	
	- Trung tâm GDNN-GDTX	31	31	-	31	31	-	-	-	-	
II	SN Y tế	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
III	SN Văn hóa nghệ thuật - Thể dục thể thao	167	142	25	130	105	25	37	37	-	
	- Trung tâm Văn hóa	63	50	13	63	50	13	-	-	-	
	- Nhà Thiếu nhi	2	2	-	2	2	-	-	-	-	
	- Đài truyền thanh	71	71	-	38	38	-	33	33	-	
	- Trung tâm Thể dục thể thao	31	19	12	27	15	12	4	4	-	
IV	SN khác (chi tiết từng đơn vị)	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
V	Quản lý nhà nước - Đảng - Đoàn thể	3.401	414	2.987	2.094	303	1.790	1.307	111	1.197	
a	Khối quận, huyện	3.401	414	2.987	2.094	303	1.790	1.307	111	1.197	
	- Khối phòng, ban (chi tiết từng đơn vị)	3.027	350	2.677	1.827	266	1.560	1.200	83	1.117	
1	Văn phòng UBND huyện	468	181	287	350	105	245	119	76	43	
2	Phòng Tư pháp (Bao gồm Hội Luật gia)	125	-	124	19	-	19	106	-	106	
3	Phòng Tài chính - Kế hoạch	88	18	70	88	18	70	-	-	-	

STT	Tên đơn vị	Tổng dự toán điều chỉnh giảm			Tổng kinh phí tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên			Dự toán kinh phí cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí tổ chức hội nghị, đi công tác			Ghi chú
		Tổng cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	Cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	Cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	
1	2	3=6+9	4=7+10	5=8+11	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11	12
4	Phòng Giáo dục và Đào tạo	601	16	585	555	16	539	46	-	46	
5	Phòng Lao động - TBXH	29	1	28	28	-	28	1	1	-	
6	Phòng Quản lý Đô thị	11	4	7	11	4	7	-	-	-	
7	Phòng Tài nguyên và Môi trường	179	19	160	144	19	125	35	-	35	
8	Đội Quản lý Trật tự Đô thị (1)	12	9	3	12	9	3	-	-	-	
9	Phòng Kinh tế	1.023	10	1.013	398	10	388	625	-	625	
10	Phòng Y tế	72	2	70	35	-	34	38	2	36	
11	Phòng Văn hoá và Thông tin	203	14	189	106	14	92	97	-	97	
12	Thanh tra huyện	53	39	14	42	39	4	11	-	11	
13	Phòng Nội vụ	163	36	127	39	31	9	123	5	118	
	- Khối đoàn thể (chi tiết từng đơn vị)	374	64	310	267	37	230	107	27	80	
1	Mặt trận Tổ quốc	138	17	121	117	8	110	21	10	11	
2	Đoàn TNCS	32	2	30	24	1	23	8	1	6	

STT	Tên đơn vị	Tổng dự toán điều chỉnh giảm			Tổng kinh phí tiết kiệm thêm 10% chi thường xuyên			Dự toán kinh phí cắt giảm tối thiểu 70% kinh phí tổ chức hội nghị, đi công tác			Ghi chú
		Tổng cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	Cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	Cộng	Kinh phí tự chủ (Kinh phí thường xuyên)	Kinh phí không tự chủ (Kinh phí không thường xuyên)	
1	2	3=6+9	4=7+10	5=8+11	6=7+8	7	8	9=10+11	10	11	12
3	Hội Liên hiệp Phụ nữ	88	28	60	54	14	40	33	14	20	
4	Hội Nông dân	73	13	60	56	13	43	17	-	17	
5	Hội Cựu Chiến binh	24	4	20	9	2	7	15	2	13	
6	Hội Chữ Thập đỏ	20	-	20	6	-	6	13	-	13	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
 CHỦ TỊCH

 Nguyễn Hữu Hoài Phú